

Số: 05 /2023/QĐST- DS

Hạ Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 7 điều 26, điểm b khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: 90/54A T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai

- *Bị đơn*:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1968 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

+ Ông Lê Văn B, sinh năm 1973 – Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C , tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền của ông Bị: Ông Lê Văn H, sinh năm 1968 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 05/7/2023)

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Trần Đình T, sinh năm 1975 – Địa chỉ: 90/77 T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1976 – Địa chỉ: 205A D, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Ông Trần Trung K, sinh năm 1980- Địa chỉ: 65 L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia lai.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà N, ông K: Bà Trần Thị N, sinh năm 1971 - Địa chỉ: 90/54A T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/12/2022)

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1953 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1965 – Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1978 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

- Bà Lê Thị Minh S, sinh năm 1977 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

- Ông Lê Tiến S, sinh năm 1982 – Địa chỉ: Khu 8 xã a, huyện h, tỉnh Phú thọ

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1983 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

- Bà Lê Thị Diệu T, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1953 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 05/7/2023)

-Anh Lê Tiến L, sinh năm 1990 và chị Trần Thị Thu O, sinh năm 1998 – Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất diện tích 148m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 98m² đất vườn) và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai tầng, khu vệ sinh, sân bê tông tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 26 – Địa chỉ: khu 8 xã A, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú thọ (giấy chứng nhận QSD đất số V 581528, sổ vào sổ H 00051 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 6/7/2004, chủ hộ Nguyễn Thị H) là tài sản của cụ Nguyễn Thị H tạo lập, là di sản của cụ H để lại chưa chia và thống nhất khối di sản trên trị giá 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Các đương sự thỏa thuận giải quyết như sau:

1 - Giao cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng diện tích 148m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 98 m² đất vườn) và được quyền sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai tầng, khu vệ sinh, sân bê tông tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 26 – Địa chỉ: khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ (Giấy chứng nhận QSD đất số V 581528, sổ vào sổ H 00051 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 6/7/2004, chủ hộ Nguyễn Thị H), trị giá 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). (***Có sơ đồ***

thừa đất kèm theo).

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho:

- Vợ chồng anh Lê Tiến L và chị Trần Thị Thu O tiền công sức là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị N số tiền là 169.562.500đ (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Ông Trần Đình T số tiền là 169.562.500đ (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Bà Trần Thị N số tiền là 169.562.500đ (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Ông Trần Trung K số tiền là 169.562.500đ (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Bà Vũ Thị H số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị D số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Lê Văn T số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Lê Văn B số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị N số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Minh S số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Lê Tiến S số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị H số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Diệu T số tiền là 67.825.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Kỳ phần của ông Lê Văn H được hưởng là 67.825.000đ. (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

(Xác nhận ông Lê Văn H đã thanh toán xong vào ngày 12/7/2023).

2- Về án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí cho bà Vũ Thị H.

-Bà Trần Thị N phải chịu 4.239.000đ (Bốn triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) đối với kỳ phần được hưởng và nhận chịu án phí đối với số tiền thanh toán công sức cho anh L, chị O là 1.087.500đ (Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng số tiền là: 5.326.500đ (Năm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Xác nhận bà N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai

thu tiền số AA/2020/0005196 ngày 10/02/2023. Bà Nguyễn còn phải nộp số tiền là 5.026.500đ (Năm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Ông Trần Đình T, bà Trần Thị N và ông Trần Trung K mỗi người phải chịu 4.239.000đ (Bốn triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Bà Lê Thị D, ông Lê Văn H, ông Lê Văn T, ông Lê Văn B, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Minh S, ông Lê Tiến S, bà Lê Thị H và bà Lê Thị Diệu T mỗi người phải chịu 1.695.600đ (Một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

3- Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định và định giá tài sản hết số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

-Bà Trần Thị N, ông Trần Đình T, bà Trần Thị N và ông Trần Trung K nhận chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

-Bà Vũ Thị H, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T, bà Lê Thị D, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Minh S, ông Lê Tiến S, bà Lê Thị H và bà Lê Thị Diệu T nhận chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

- Bà N đã nộp tạm ứng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà H, ông Hùng, ông B, ông T, bà D, bà N, bà S, ông S, bà H và bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). (Xác nhận đã thanh toán xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc

